

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN NGÀY 30/06/2018



Hà Nội, tháng 8 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hải Đoàn	Chủ tịch	
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Việt Giang	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2018
Ông Vladislavs Savkins	Thành viên	
Ông David Đỗ	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 20/04/2018
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2018
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/04/2018

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	
Bà Vũ Thị Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 20/04/2018
Bà Đinh Thị Huyền Trang	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 11/04/2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Võ Văn Mai	Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hải Đoàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2018
Ông Nguyễn Trần Hiền	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được nêu tại thuyết minh số 35 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Võ Văn Mai

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Số: A27/2018/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/08/2018, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH KPMG soát xét. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ liên quan đến việc Công ty ghi nhận số vốn góp nhận trước từ các cá nhân là doanh thu chuyển nhượng bất động sản và ghi nhận giá trị còn lại của khu nhà tương ứng với phần chuyển nhượng vào giá vốn khi chưa đủ cơ sở. thay vì ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và trích khấu hao tài sản cố định cho thuê.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác (tiếp)

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty ghi nhận số vốn góp nhận trước từ các cá nhân là doanh thu chuyển nhượng bất động sản và ghi nhận giá trị còn lại của khu nhà tương ứng với phần chuyển nhượng vào giá vốn khi chưa đủ cơ sở, thay vì ghi nhận số vốn góp của các cá nhân là khoản doanh thu cho thuê nhận trước và trích khấu hao tài sản cố định cho thuê.



Nguyễn Tụ Trung
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.309.256.887	583.886.922.668
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	107.731.347.568	114.390.828.362
Tiền	111		35.784.699.529	49.490.828.362
Các khoản tương đương tiền	112		71.946.648.039	64.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		138.660.000	230.760.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14	138.660.000	230.760.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		306.802.669.135	339.571.155.789
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	187.727.571.619	162.549.294.887
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	15.767.376.625	18.798.587.994
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng dịch vụ	134	6	50.464.822.318	121.704.251.435
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	56.640.627.652	40.316.750.552
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(3.797.729.079)	(3.797.729.079)
Hàng tồn kho	140	9	92.199.945.948	57.198.488.592
Hàng tồn kho	141		92.598.701.079	57.597.243.723
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(398.755.131)	(398.755.131)
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.436.634.236	72.495.689.925
Thuế GTGT được khấu trừ	152		963.650.774	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	472.983.462	495.689.925
Tài sản ngắn hạn khác	155	10	72.000.000.000	72.000.000.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.155.992.768	327.768.032.513
Các khoản phải thu dài hạn	210		336.052.493	401.837.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	336.052.493	401.837.000
Tài sản cố định	220		13.117.991.663	13.956.884.636
Tài sản cố định hữu hình	221	11	11.289.576.610	11.956.422.654
- Nguyên giá	222		41.435.068.161	41.400.366.343
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.145.491.551)	(29.443.943.689)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.828.415.053	2.000.461.982
- Nguyên giá	228		6.897.414.903	6.897.414.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.068.999.850)	(4.896.952.921)
Bất động sản đầu tư	230	13	15.680.620.000	237.505.038.111
- Nguyên giá	231		15.680.620.000	237.505.038.111
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		344.327.273	344.327.273
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		344.327.273	344.327.273
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	27.793.619.230	75.023.614.150
Đầu tư vào công ty con	251		29.293.570.000	74.293.570.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.800.000.000	23.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		6.764.044.944	6.764.044.944
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(28.063.995.714)	(29.034.000.794)
Tài sản dài hạn khác	260		1.883.382.109	536.331.343
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.883.382.109	536.331.343
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		639.465.249.655	911.654.955.181

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		307.029.319.888	578.037.728.748
Nợ ngắn hạn	310		303.546.259.904	573.941.038.474
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	69.572.985.710	83.060.143.205
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42.577.847.364	43.604.225.977
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	480.635.045	5.038.560.381
Phải trả người lao động	314		1.024.441.508	4.723.011.546
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.204.236.842	213.734.545
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		262.858.000	262.858.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	87.504.945.238	261.081.801.395
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	97.918.310.197	175.956.703.425
Nợ dài hạn	330		3.483.059.984	4.096.690.274
Phải trả dài hạn khác	337	17	1.099.153.165	900.332.622
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	306.434.969	149.455.892
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	2.077.471.850	3.046.901.760
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		332.435.929.767	333.617.226.433
Vốn chủ sở hữu	410	21	332.435.929.767	333.617.226.433
Vốn góp của chủ sở hữu	411		225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415		(58.025.509.272)	(58.025.509.272)
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.628.990.984	19.628.990.984
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.004.678.055	10.185.974.721
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		10.185.974.721	6.694.940.054
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.181.296.666)	3.491.034.667
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		639.465.249.655	911.654.955.181

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	378.704.608.830	181.212.164.013
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	26.446.800	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	378.678.162.030	181.212.164.013
Giá vốn hàng bán	11	24	353.143.913.935	154.302.206.334
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.534.248.095	26.909.957.679
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.199.971.571	3.885.736.336
Chi phí tài chính	22	26	4.203.958.141	1.735.462.801
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.831.970.068	919.608.200
Chi phí bán hàng	25	27	14.465.382.597	10.823.580.159
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	9.890.305.096	14.488.670.968
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(825.426.168)	3.747.980.087
Thu nhập khác	31	29	694.943.216	824.149.035
Chi phí khác	32	30	294.241.042	7.530.393
Lợi nhuận khác	40		400.702.174	816.618.642
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(424.723.994)	4.564.598.729
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	599.593.595	312.834.092
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		156.979.077	593.720.848
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.181.296.666)	3.658.043.789

Người lập

Nguyễn Hải Yên

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(424.723.994)	4.564.598.729
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		873.594.791	1.263.063.631
Các khoản dự phòng	03		2.229.994.920	(79.717.470)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(509.801.466)	(1.141.384.847)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.625.341.285)	(2.297.352.043)
Chi phí lãi vay	06		1.831.970.068	919.608.200
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.375.693.034	3.228.816.200
Tăng giảm các khoản phải thu	09		44.158.229.704	(39.453.961.812)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(35.970.887.265)	(43.938.314.296)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		(13.388.118.825)	27.418.863.418
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.347.050.766)	(17.466.560)
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.831.970.068)	(829.172.110)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.198.661.011)	(1.257.186.350)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		389.708.820	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(375.454.823)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.188.511.200)	(54.848.421.510)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.701.818)	(326.700.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		31.882.718.740	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		92.100.000	1.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		1.625.341.285	2.297.352.043
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.565.458.207	2.970.652.043

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018	Từ 01/01/2017
			đến 30/06/2018	đến 30/06/2017
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		106.697.766.530	32.340.632.127
Tiền trả nợ gốc vay	34		(139.736.159.758)	(10.640.351.738)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.038.393.228)	21.700.280.389
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.661.446.221)	(30.177.489.078)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	114.390.828.362	127.604.970.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.965.427	10.490.671
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	107.731.347.568	97.437.972.080

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Võ Văn Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, tên viết tắt là HIPT GROUP.,JSC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100364579 đăng ký lần đầu ngày 29/02/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 07/06/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 152 Thụy Khuê, phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 225.590.300.000 đồng chia thành 22.559.030 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT đã niêm yết trên UPCoM với mã chứng khoán HIG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2018 là 113 người (tại ngày 31/12/2017 là 120 người).

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin ("CNTT") như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty con			
Cấp 1			
- Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software) (1)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (2)	Hà Nội, Việt Nam	66,5%	66,5%
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
- Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (HiPT School) (3)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Cấp 2			
- Công ty CP Năng lượng Công nghệ cao (Hi-Power Tech) (4)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%

(1) *Đổi tên từ Công ty Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (HIBF)*

(2) *Đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST*

(3) *Đã có hợp đồng chuyển nhượng 100% cổ phần (Thuyết minh số 35)*

(4) *Công ty con của HIPT Invest*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

1.4. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp thực tế
Công ty liên kết			
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	71,43%
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	Hà Nội, Việt Nam	35%	93,44%
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	22%	22,32%
- Công ty TNHH Giải pháp HIMC (5)	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	20,68%	20,68%
Công ty liên doanh			
- Thời báo Doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	64,27%

(5) Đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế

1.5. KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét. Các số liệu này hoàn toàn có thể so sánh được.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

2.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cùng kỳ năm trước và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm lập Báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung phân bổ.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.

3.7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	05
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

3.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Tổng Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- a. Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- b. Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một quy chế hay một thoả thuận;
- c. Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại công ty con; hoặc
- d. Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc bộ phận quản lý tương đương tại công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của Công ty liên doanh theo thoả thuận của hợp đồng liên doanh;
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Trên báo cáo tài chính của Công ty, các khoản đầu tư tài chính được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.11. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

3.12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.13. DOANH THU, THU NHẬP KHÁC

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13. DOANH THU, THU NHẬP KHÁC (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Thu nhập từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý, nhượng bán.

3.14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16. NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ra "đồng Việt Nam". Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào thu nhập khác hoặc chi phí tài chính khi xác định thu nhập chịu thuế theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

3.17. THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

3.20. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết, Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	774.808.142	167.468.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.009.891.387	49.323.360.062
Các khoản tương đương tiền (*)	71.946.648.039	64.900.000.000
	107.731.347.568	114.390.828.362

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
FLEXTRON PTE.LTD	5.702.647.945	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	4.877.400.000	4.877.400.000
Công ty Cổ phần Tin học Hoàng Minh	1.193.356.200	1.193.356.200
Đối tượng khác	3.993.972.480	12.727.831.794
	15.767.376.625	18.798.587.994

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Cục công nghệ thông tin	3.604.322.877	1.598.312.877
Hyundai information technology Co.,Ltd	7.393.312.500	6.547.583.617
Cơ quan thanh tra giám sát Ngân hàng	39.467.186.941	39.467.186.941
Công Ty Cổ phần Điện ảnh Truyền Hình (Vinematim)	-	74.091.168.000
	50.464.822.318	121.704.251.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	187.727.571.619	(761.320.472)	162.549.294.887	(761.320.472)
- Công ty Cổ phần Điện ảnh Truyền Hình (Vinematim)	66.435.734.232	-	4.499.092.620	-
- Công ty CP Viễn Thông - Tin học Bưu Điện (CT-IN)	41.618.633.381	-	6.959.626.600	-
- Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam	16.149.576.300	-	32.430.837.340	-
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn FLC	11.324.802.806	-	13.324.802.806	-
- Các khách hàng khác	52.198.824.900	(761.320.472)	105.334.935.521	(761.320.472)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan	740.774.085	(740.774.085)	821.639.085	(740.774.085)
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	663.440.565	(663.440.565)	663.440.565	(663.440.565)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	77.333.520	(77.333.520)	77.333.520	(77.333.520)
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	-	-	80.865.000	-
	187.727.571.619	(761.320.472)	162.549.294.887	(761.320.472)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	56.640.627.652	(3.036.408.607)	40.316.750.552	(3.036.408.607)
- Tạm ứng	30.130.074.591	-	25.324.257.999	-
- Ký cược, ký quỹ	286.983.330	-	83.028.000	-
- Phải thu các công ty con	11.438.046.382	(3.036.408.607)	7.105.815.653	(3.036.408.607)
- Phải thu các cá nhân tiền thuê đất, tiền chuyển nhượng bất động sản	14.180.766.825	-	3.438.015.298	-
- Phải thu khác	604.756.524	-	4.365.633.602	-
Dài hạn	336.052.493	-	401.837.000	-
- Ký cược, ký quỹ	336.052.493	-	401.837.000	-
Cộng	56.976.680.145	(3.036.408.607)	40.718.587.552	(3.036.408.607)
Trong đó, Phải thu từ các bên liên quan	18.925.147.420	(3.036.408.607)	15.055.349.165	(3.036.408.607)
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	6.846.429.511	-	2.569.198.782	-
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	485.926.273	-	430.926.273	-
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	1.067.281.991	-	1.067.281.991	-
- Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (HIPT School)	3.036.408.607	(3.036.408.607)	3.036.408.607	(3.036.408.607)
- Công ty CP Năng lượng Công nghệ cao (Hi-Power Tech)	2.000.000	-	2.000.000	-
- Tạm ứng cho các cá nhân trong HĐQT, BGD và Kế toán trưởng	7.487.101.038	-	7.949.533.512	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.379.026.620	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.206.439.386	-	42.395.955.463	-
Hàng hóa	57.392.261.693	(398.755.131)	13.822.261.640	(398.755.131)
	92.598.701.079	(398.755.131)	57.597.243.723	(398.755.131)

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt ("Ngân hàng Bảo Việt").

Tháng 01 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND/một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17/01/2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11/12/2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tuy nhiên, đến ngày 30/06/2018, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty vẫn hạch toán giá gốc 72 tỷ VND của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ đồng nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (được trình bày tại Thuyết minh số 17).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2018	18.748.120.749	4.281.532.813	848.270.909	17.522.441.872	41.400.366.343
- Mua trong kỳ	-	-	-	34.701.818	34.701.818
30/06/2018	18.748.120.749	4.281.532.813	848.270.909	17.557.143.690	41.435.068.161
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2018	7.873.526.574	4.269.489.805	282.034.318	17.018.892.992	29.443.943.689
- Khấu hao trong kỳ	415.056.672	12.043.008	53.016.930	221.431.252	701.547.862
30/06/2018	8.288.583.246	4.281.532.813	335.051.248	17.240.324.244	30.145.491.551
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2018	10.874.594.175	12.043.008	566.236.591	503.548.880	11.956.422.654
30/06/2018	10.459.537.503	-	513.219.661	316.819.446	11.289.576.610

Tại ngày 30/06/2018, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 21.001.686.218 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2018	3.926.442.619	2.970.972.284	6.897.414.903
30/06/2018	<u>3.926.442.619</u>	<u>2.970.972.284</u>	<u>6.897.414.903</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN			
01/01/2018	2.041.750.166	2.855.202.755	4.896.952.921
- Khấu hao trong kỳ	78.528.852	93.518.077	172.046.929
30/06/2018	<u>2.120.279.018</u>	<u>2.948.720.832</u>	<u>5.068.999.850</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2018	1.884.692.453	115.769.529	2.000.461.982
30/06/2018	<u>1.806.163.601</u>	<u>22.251.452</u>	<u>1.828.415.053</u>

Tại ngày 30/06/2018:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.806.163.601 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 384.550.000 đồng.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Số đầu năm VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
NGUYÊN GIÁ	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000
- Quyền sử dụng đất	237.505.038.111	4.964.059.800	(226.788.477.911)	15.680.620.000

Tại ngày 30/06/2018, giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 15.680.620.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****14.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	138.660.000	138.660.000	230.760.000	230.760.000

14.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	29.293.570.000	(16.939.051.687)	74.293.570.000	(17.111.268.657)
- Công ty TNHH Dịch vụ đầu tư HIPT (HIPT Invest)	10.000.000.000	(2.645.481.687)	10.000.000.000	(2.817.698.657)
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
- Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	5.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội	2.293.570.000	(2.293.570.000)	2.293.570.000	(2.293.570.000)
- Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (HISN)	10.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên kết	19.800.000.000	(6.269.328.202)	23.000.000.000	(7.724.267.608)
- Công ty CP Đội Công nghệ 3D Hà Nội	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(2.500.000.000)
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt Nam	2.500.000.000	(2.500.000.000)	2.500.000.000	(820.856.243)
- Công ty CP Công nghệ Thông tin Lam Hồng	800.000.000	-	800.000.000	-
- Công ty TNHH Giải pháp HIMC	-	-	3.200.000.000	(3.200.000.000)
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
- Thời báo Doanh nhân	2.000.000.000	(1.269.328.202)	2.000.000.000	(1.203.411.365)
Đơn vị khác	6.764.044.944	(4.855.615.825)	6.764.044.944	(4.198.464.529)
- Công ty CP Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	(4.855.615.825)	6.764.044.944	(4.198.464.529)
	55.857.614.944	(28.063.995.714)	104.057.614.944	(29.034.000.794)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT

Số 152 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Star Excellence	18.603.509.980	18.603.509.980	-	-
- ABT Group Limited	30.454.371.750	30.454.371.750	909.400.000	909.400.000
- Công ty TNHH Acer Việt Nam	6.724.172.840	6.724.172.840	125.400.000	125.400.000
- Vizrt (Thailand), Ltd	-	-	27.486.615.000	27.486.615.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ SAVIS Việt Nam	1.904.410.305	1.904.410.305	10.186.993.080	10.186.993.080
- Đối tượng khác	11.886.520.835	11.886.520.835	44.351.735.125	44.351.735.125
	69.572.985.710	69.572.985.710	83.060.143.205	83.060.143.205
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000
- Công ty CP Phát triển Nguồn nhân lực Chân trời mới Hà Nội (New Horriison)	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp	5.038.560.381	9.982.887.075	14.540.812.411	480.635.045
- Thuế giá trị gia tăng	4.058.117.272	7.084.018.691	11.142.135.963	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.120.868	114.067.737	114.088.375	1.100.230
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	873.638.612	599.593.595	1.198.661.011	274.571.196
- Thuế thu nhập cá nhân	105.683.629	1.706.839.356	1.703.371.856	109.151.129
- Các loại thuế khác	-	478.367.696	382.555.206	95.812.490
Thuế và các khoản phải thu	495.689.925	40.252.981	62.959.444	472.983.462
- Thuế giá trị gia tăng	22.706.463	-	22.706.463	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	472.983.462	40.252.981	40.252.981	472.983.462
	VND	VND	VND	VND
	01/01/2018	Số phải thu/được khấu trừ trong kỳ	Số đã thực thu/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2018
	VND	VND	VND	VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	87.504.945.238	261.081.801.395
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	5.942.011.119	5.142.011.119
- Tạm ứng từ các cá nhân	-	178.591.421.044
- Tạm ứng liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh số 8)	72.000.000.000	72.000.000.000
- Khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112	2.656.280.900	2.656.280.900
- Phải trả cổ tức	275.140.575	275.140.575
- Mượn tiền cá nhân	4.100.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.531.512.644	2.416.947.757
	1.099.153.165	900.332.622
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	482.416.820	338.492.000
- Các cá nhân ủy thác đầu tư	616.736.345	561.840.622
	88.604.098.403	261.982.134.017
Trong đó: Phải trả các bên liên quan	5.942.011.119	5.142.011.119
- Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	5.942.011.119	5.142.011.119

18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	306.434.969	149.455.892
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tỷ giá	306.434.969	149.455.892

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	2.077.471.850	3.046.901.760
	2.077.471.850	3.046.901.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		30/06/2018	
	Giá trị VND	Số có Khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	175.956.703.425	175.956.703.425	106.697.766.530	184.736.159.758
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	86.166.703.425	86.166.703.425	106.697.766.530	66.274.417.313
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	40.000.000.000	40.000.000.000	-	26.853.892.884
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn công nghệ HIPT (3)	49.790.000.000	49.790.000.000	-	4.790.000.000
Cộng	175.956.703.425	175.956.703.425	106.697.766.530	184.736.159.758
				97.918.310.197
				66.274.417.313
				26.853.892.884
				4.790.000.000
				97.918.310.197

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/495 ngày 30/06/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - Chi nhánh Đông Đô và Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT với mục đích: bổ sung vốn lưu động, cấp bảo lãnh, mở thư tín dụng (L/C) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hạn mức vay tối đa của vốn lưu động là 150 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh tối đa là 150 tỷ đồng. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay theo từng khe ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: thế chấp tài sản trên đất trụ sở Công ty tại 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

(2) Khoản vay theo hợp đồng số 528/2017/HDTD/HGM/01 ký ngày 13/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT với mục đích: bổ sung vốn lưu động để nộp tiền sử dụng đất tại địa chỉ số 152 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội theo thông báo nộp tiền sử dụng đất số 5145/CCCT-TB-TB&TK ngày 07/06/2017. Thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 16/12/2017 đến 15/12/2018). Lãi suất cho vay: 9,1%/năm áp dụng từ 15/12/2017 đến hết 15/03/2018. Lãi suất cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở KHDN kỳ hạn 03 tháng của TPbank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 1,8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguồn thu từ các Hợp đồng mua bán nhà.

(3) Khoản vay theo hợp đồng số 04 -2015/HISC - HIPT ký ngày 05/05/2015 và Phụ lục hợp đồng 01 ký ngày 05/05/2016, Phụ lục hợp đồng 02 ký ngày 05/05/2017. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 3,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(58.025.509.272)	19.628.990.984	6.694.940.054	330.126.191.766
- Lãi trong năm	-	-	-	-	3.491.034.667	3.491.034.667
31/12/2017	225.590.300.000	136.237.470.000	(58.025.509.272)	19.628.990.984	10.185.974.721	333.617.226.433
01/01/2018	225.590.300.000	136.237.470.000	(58.025.509.272)	19.628.990.984	10.185.974.721	333.617.226.433
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	(1.181.296.666)	(1.181.296.666)
30/06/2018	225.590.300.000	136.237.470.000	(58.025.509.272)	19.628.990.984	9.004.678.055	332.435.929.767

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	225.590.300.000	225.590.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

21.3 Cổ phiếu

	30/06/2018 CP	01/01/2018 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.559.030	22.559.030
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.559.030	22.559.030
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.903.843	2.903.843
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.903.843	2.903.843
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.655.187	19.655.187
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.655.187	19.655.187
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
- Ngoại tệ USD	848,58	1.575,89
- Ngoại tệ EUR	655,03	660,67

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tổng doanh thu	378.704.608.830	181.212.164.013
- Doanh thu bán hàng hóa	93.727.665.882	139.387.472.123
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	59.204.827.140	40.086.487.857
- Doanh thu cho thuê	1.711.556.008	1.738.204.033
- Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	224.060.559.800	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(26.446.800)	-
- Giảm giá hàng bán	(26.446.800)	-
Doanh thu thuần	<u>378.678.162.030</u>	<u>181.212.164.013</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Giá vốn hàng hóa	82.774.528.380	123.323.084.183
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	46.308.825.755	30.975.862.334
- Giá vốn cho thuê	-	3.259.817
- Giá vốn bất động sản đầu tư	224.060.559.800	-
	353.143.913.935	154.302.206.334

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	362.739.644	875.017.736
- Cổ tức được chia từ Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	1.262.601.641	1.422.334.307
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	64.828.820	446.999.446
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	509.801.466	1.141.384.847
	2.199.971.571	3.885.736.336

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Lãi tiền vay	1.831.970.068	919.608.200
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	2.229.994.920	805.493.730
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	141.720.192	10.348.469
- Chi phí tài chính khác	272.961	12.402
	4.203.958.141	1.735.462.801

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	8.784.539.793	7.236.849.137
- Chi phí dự phòng bảo hành	-	(375.569.260)
- Chi phí khác	5.680.842.804	3.962.300.282
	14.465.382.597	10.823.580.159

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	5.427.081.467	8.399.266.507
- Dự phòng phải thu khó đòi	-	9.294.896
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	811.477.448	1.189.699.100
- Chi phí khác	3.651.746.181	4.890.410.465
	9.890.305.096	14.488.670.968

29. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Được thưởng, được bồi thường	689.106.081	820.487.205
- Thu nhập khác	5.837.135	3.661.830
	694.943.216	824.149.035

30. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
- Các khoản phạt thuế	294.214.160	7.521.549
- Chi phí khác	26.882	8.844
	294.241.042	7.530.393

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(424.723.994)	4.564.598.729
Cộng:	2.165.933.245	1.390.510.276
Chi phí không được trừ	2.165.933.245	1.390.510.276
Trừ:	-	-
Thu nhập được miễn thuế	(1.262.601.641)	(1.422.334.307)
- Thu nhập từ đầu tư góp vốn	(1.262.601.641)	(1.422.334.307)
Thu nhập chịu thuế	478.607.610	4.532.774.698
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN trong kỳ	95.721.522	906.554.940
Tài sản thuế không được ghi nhận đối với khoản dự phòng đầu tư	335.828.751	-
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(156.979.077)	(593.720.848)
Nộp thuế TNDN truy thu năm 2016 sau thanh tra	2.612.727	-
Nộp thuế TNDN truy thu năm 2017 sau thanh tra	322.409.672	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	599.593.595	312.834.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân công	14.263.468.260	15.636.115.644
Chi phí mua hàng hóa để bán lại và cung cấp dịch vụ	122.238.685.771	154.589.028.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	811.477.448	1.263.063.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.950.189.998	3.739.250.515
Chi phí khác	10.561.991.327	4.386.999.193
	189.825.812.804	179.614.457.461
Mua hàng hóa, dịch vụ với bên liên quan		
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm	7.168.520.000	1.615.135.314

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.18.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: Rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá cả khi thực hiện mua hàng hóa, dịch vụ. Công ty quản lý rủi ro về giá thông qua việc theo dõi các thông tin thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
- Công ty TNHH HIPT Phần mềm (HIPT Software)	7.168.520.000	7.477.951.771
	7.168.520.000	7.477.951.771
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	1.262.601.641	1.422.334.307
	1.262.601.641	1.422.334.307
	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập của HĐQT, BGD, KTT, BKS		
- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2.263.045.454	1.902.000.000
- Thu nhập của Kế toán trưởng	260.000.000	222.300.000
- Thu nhập của Ban kiểm soát	190.368.182	198.800.000
	2.713.413.636	2.323.100.000

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 7 "Phải thu khách hàng"
- Thuyết minh số 8 "Phải thu khác"
- Thuyết minh số 14 "Các khoản đầu tư tài chính"
- Thuyết minh số 15 "Phải trả người bán ngắn hạn"
- Thuyết minh số 17 "Phải trả khác"
- Thuyết minh số 20 "Vay và nợ thuê tài chính"

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 01/07/2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 07-18/HĐQT/HIPT phê duyệt việc chuyển nhượng Trường Trung cấp nghề kỹ nghệ thực hành HIPT cho Công ty Cổ phần Đào tạo Tây Đô. Ngày 09/07/2018, hợp đồng chuyển nhượng về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương đương 100% tổng số vốn của Trường đã được ký giữa Công ty Cổ phần Đào tạo Tây Đô và Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.

Ngày 16/07/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 09-18/QĐ/HĐQT/HIPT về việc chốt danh sách người sở hữu chứng khoán để trả cổ tức năm 2017 như sau: ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10/08/2018, thời gian thực hiện ngày 14/10/2018 với tỷ lệ thực hiện 5%/cổ phần (500 đồng/cổ phần).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét.

Người lập

Nguyễn Hải Yến

Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Hiền

Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Võ Văn Mai

HIPT W.Y.